

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

*Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.*

---

*Báo cáo của Ban giám đốc và  
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
CÔNG TRÌNH 3**

**Năm 2012**

**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM  
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>03 – 05</b>
<b>Báo cáo Kiểm toán</b>	<b>06</b>
<b>Báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	07 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2012	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm 2012	12 – 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3** được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300421520 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

**Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:** Xây dựng, lắp đặt.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:**

- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, đường dây dưới 35 KV;
- Đào đắp, san lấp mặt bằng, tạo bãi. Sản xuất tà vẹt, cầu kiện bê tông, cầu kiện thép và sản phẩm cơ khí (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải kim loại, xi măng điện, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở);
- Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị;
- Thí nghiệm và kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, lập dự án đầu tư, giám sát thi công công trình giao thông dân dụng, công nghiệp không do Công ty thi công;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, nội ngoại thất công trình, công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Tư vấn thiết kế;
- Kinh doanh nhà ở;
- Sửa chữa xe máy, phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình thủy lợi. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường sắt. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, đô thị. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp, ngành giao thông vận tải.

**Trụ sở của Công ty tại:** 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

**a. Thông tin các chi nhánh: 8 chi nhánh**

**1. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 303**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

**2. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 304**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

**3. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 302**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

**4. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp CK Và Xây Dựng**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

**5. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp TV Thiết Kế Và Kiểm Định Công Trình**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

---

### **6. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 301**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

### **7. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 tại tỉnh Quảng Ngãi**

Địa chỉ: Số 315 khối 1, Thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi

### **8. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 305**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

#### **b. Thông tin các Công ty con: 3 công ty**

##### **Công ty Cổ Phần Công Trình Thành Phát**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55 %

##### **Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Trường Lộc**

Địa chỉ: 143A Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 53,10 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 53,10 %

##### **Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng**

Địa chỉ: Lô C7-1, Khu công nghiệp Hàm Kiệm 1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100 %

#### **Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

#### **Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát**

##### **Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:**

<b>Ông Phạm Văn Thúy</b>	Chủ tịch
<b>Ông Nguyễn Xuân Nguyên</b>	Thành viên
<b>Ông Phạm Ngọc Côi</b>	Thành viên
<b>Ông Nguyễn Đức Soát</b>	Thành viên
<b>Ông Lê Văn Nhung</b>	Thành viên
<b>Ông Nguyễn Quang Vinh</b>	Thành viên
<b>Bà Nguyễn Kim Chinh</b>	Thành viên

##### **Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:**

<b>Ông Phạm Văn Thúy</b>	Tổng giám đốc
<b>Ông Nguyễn Xuân Nguyên</b>	Phó tổng giám đốc
<b>Ông Phạm Ngọc Côi</b>	Phó tổng giám đốc
<b>Ông Nguyễn Đức Soát</b>	Phó tổng giám đốc
<b>Ông Vũ Công Hòa</b>	Phó tổng giám đốc
<b>Ông Phạm Trường Sơn</b>	Phó tổng giám đốc
<b>Bà Nguyễn Kim Chinh</b>	Kế toán trưởng

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

*Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.*

---

### **Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:**

<b>Ông Trần Anh Thuận</b>	Trưởng ban
<b>Ông Trần Minh Hùng</b>	Thành viên
<b>Ông Đặng Xuân Trường</b>	Thành viên

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

*TP.HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2013*

**TM. Ban Giám Đốc**  
**Tổng giám đốc**

**Phạm Văn Thúy**

Số: ...../BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*(Về Báo cáo tài chính năm riêng 2012 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3)*

**Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3**  
**- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3.**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2012 của **Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3** gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập ngày 25 tháng 02 năm 2013 được trình bày từ trang 07 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### ***Cơ sở ý kiến:***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### ***Ý kiến của kiểm toán viên:***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3** tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2013*

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính**  
**Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**  
**Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Đỗ Khắc Thanh**  
Chứng chỉ KTV Đ 0064/KTV

**Chu Thế Bình**  
Chứng chỉ KTV 1858/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>264.858.859.080</b>	<b>261.970.348.044</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>19.712.083.193</b>	<b>24.070.186.512</b>
1. Tiền	111		19.712.083.193	24.070.186.512
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>1.300.000.000</b>	<b>1.300.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.300.000.000	1.300.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>3</b>	<b>147.112.801.661</b>	<b>173.157.337.087</b>
1. Phải thu khách hàng	131	3.1	75.573.224.443	142.384.832.135
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	8.368.360.754	6.275.587.330
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	63.382.287.267	24.707.988.425
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	3.4	(211.070.803)	(211.070.803)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4</b>	<b>76.301.005.287</b>	<b>51.939.510.027</b>
1. Hàng tồn kho	141		76.301.005.287	51.939.510.027
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>5</b>	<b>20.432.968.939</b>	<b>11.503.314.418</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.1	5.860.929.646	
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.2	15.516.430	
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	14.556.522.863	11.503.314.418
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>65.945.327.100</b>	<b>55.097.086.594</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>37.414.506.078</b>	<b>27.658.740.106</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>6</b>	<b>37.369.829.506</b>	<b>27.658.740.106</b>
- Nguyên giá	222		62.857.709.807	47.912.035.430
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(25.487.880.301)	(20.253.295.324)
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>7</b>	<b>44.676.572</b>	
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>8</b>	<b>23.130.000.000</b>	<b>22.449.129.750</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		23.130.000.000	22.449.129.750
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>9</b>	<b>5.400.821.022</b>	<b>4.989.216.738</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.1	5.394.621.022	4.983.016.738
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	9.2	6.200.000	6.200.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>330.804.186.180</b>	<b>317.067.434.638</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>234.212.332.790</b>	<b>223.199.912.417</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>10</b>	<b>227.112.575.992</b>	<b>213.427.801.019</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10.1	78.014.899.379	79.649.386.044
2. Phải trả người bán	312	10.2	23.326.610.435	29.262.862.672
3. Người mua trả tiền trước	313	10.3	81.736.406.181	53.329.445.612
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10.4	4.899.900.028	4.856.613.917
5. Phải trả người lao động	315	10.5	5.007.973.311	5.142.809.985
6. Chi phí phải trả	316	10.6	3.213.100.527	1.778.790.415
7. Phải trả nội bộ	317	10.7	5.082.142.357	3.767.125.575
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10.8	24.868.763.255	34.889.196.680
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	10.9	962.780.519	751.570.119
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>11</b>	<b>7.099.756.798</b>	<b>9.772.111.398</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	11.1	81.603.898	81.603.898
4. Vay và nợ dài hạn	334	11.2	7.018.152.900	9.690.507.500
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>96.591.853.390</b>	<b>93.867.522.221</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>96.591.853.390</b>	<b>93.867.522.221</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.609.980.000	55.609.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.694.645.000	1.694.645.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.622.907.459	1.622.907.459
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(930.000)	(930.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.535.987.914	17.256.987.914
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.098.575.738	4.520.575.738
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.030.687.279	13.163.356.110
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>330.804.186.180</b>	<b>317.067.434.638</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		408.987.523	408.987.523
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2013

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Tổng giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đoàn Văn Nghị**

**Nguyễn Kim Chinh**

**Phạm Văn Thúy**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**NĂM 2012**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	361.105.118.226	302.886.755.677
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	15	361.105.118.226	302.886.755.677
4. Giá vốn hàng bán	11	16	330.342.580.052	272.263.470.600
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		30.762.538.174	30.623.285.077
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	2.373.621.937	4.426.096.226
7. Chi phí tài chính	22	18	11.064.816.131	13.714.337.058
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.064.816.131	13.714.337.058
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.126.144.003	7.261.085.553
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		10.945.199.977	14.073.958.692
11. Thu nhập khác	31	19	14.148.269.295	904.672.311
12. Chi phí khác	32	20	8.342.599.110	(76.462.856)
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		5.805.670.185	981.135.167
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16.750.870.162	15.055.093.859
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	3.527.336.160	2.213.061.053
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60	23	13.223.534.002	12.842.032.806
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.378	2.787

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Văn Nghị

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

**Năm 2012**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>16.750.870.162</b>	<b>15.055.093.859</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	02		7.138.217.373	6.568.913.159
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.016.599.937)	(4.710.738.864)
- Chi phí lãi vay	06		11.064.816.131	13.714.337.058
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>33.937.303.729</b>	<b>30.627.605.212</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(26.044.535.426)	(70.178.532.525)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		24.361.495.260	10.998.099.894
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(13.684.774.974)	16.561.860.404
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		411.604.284	271.382.701
- Tiền lãi vay đã trả	13		(11.064.816.131)	(13.714.337.058)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(887.132.994)	(1.819.365.277)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		12.938.668.394	40.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.205.260.769)	(4.405.824.796)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>18.762.551.373</b>	<b>(31.619.111.445)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.422.945.839)	(8.514.054.869)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			258.293.461
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(680.870.250)	(1.150.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.373.621.937	100.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(7.730.194.152)</b>	<b>(9.305.761.408)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			12.604.420.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			(870.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		167.254.171.039	127.798.380.826
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(171.561.012.304)	(96.683.217.603)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.083.619.275)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(15.390.460.540)</b>	<b>43.718.713.223</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(4.358.103.319)</b>	<b>2.793.840.370</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>24.070.186.512</b>	<b>21.276.346.142</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V. 1</b>	<b>19.712.083.193</b>	<b>24.070.186.512</b>

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Văn Nghị

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thụ

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2012*

### **I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**

**1. Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300421520 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

**Vốn điều lệ của Công ty** là 55.609.980.000 đồng (Năm mươi lăm tỷ sáu trăm lẻ chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

**Trụ sở của Công ty tại:** 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

#### **a. Thông tin các chi nhánh: 8 chi nhánh**

- 1. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 303**  
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 2. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 304**  
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 3. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 302**  
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 4. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp CK Và Xây Dựng**  
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 5. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp TV Thiết Kế Và Kiểm Định Công Trình**  
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 6. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 301**  
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 7. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 tại tỉnh Quảng Ngãi**  
Địa chỉ: Số 315 khối 1, Thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi
- 8. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 305**  
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

#### **b. Thông tin các Công ty con: 3 công ty**

##### **Công ty Cổ Phần Công Trình Thành Phát**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55 %

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

### **Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Trường Lộc**

Địa chỉ: 143A Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 53,10 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 53,10 %

### **Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng**

Địa chỉ: Lô C7-1, Khu công nghiệp Hàm Kiệm 1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100 %

**2. Lĩnh vực kinh doanh:** Xây dựng, lắp đặt.

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, đường dây dưới 35 KV;
- Đào đắp, san lấp mặt bằng, tạo bãi. Sản xuất tà vẹt, cầu kiện bê tông, cầu kiện thép và sản phẩm cơ khí (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải kim loại, xi măng điện, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở);
- Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị;
- Thí nghiệm và kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, lập dự án đầu tư, giám sát thi công công trình giao thông dân dụng, công nghiệp không do Công ty thi công;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, nội ngoại thất công trình, công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Tư vấn thiết kế;
- Kinh doanh nhà ở;
- Sửa chữa xe máy, phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình thủy lợi. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường sắt. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, đô thị. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp, ngành giao thông vận tải.

## **II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

1. **Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## **III Chế độ kế toán áp dụng:**

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
2. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

## IV Các chính sách kế toán áp dụng:

### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

**1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:** Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo Thông tư số 179/2012TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài Chính.

### 2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

#### 2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

**2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

**2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Không phát sinh.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

### 4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

#### 4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### 4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

5. Hợp đồng thuê tài chính: Không phát sinh.

6. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: Không phát sinh

7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

*Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.*

---

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

*Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.*

---

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

### **12. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt thông qua Đại hội đồng cổ đông được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

#### **13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

#### **13.3 Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu được xác định tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn bán hàng đã lập.

#### **13.4 Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

*Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.*

---

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

NĂM 2012

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

Đơn vị tính: VND

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

**1.1-Tiền mặt (VND)**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Xí nghiệp 301	1.069.988.578	413.274.836
- Chi nhánh Khánh Hòa - XN 302		377.927
- Xí nghiệp 303	743.706.543	488.610.563
- Xí nghiệp 304	22.913	583
- Xí nghiệp 305	13.099.498	18.919.398
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng	1.568.177.388	1.147.296.040
- Văn phòng Công ty	5.968.289.490	4.091.802.956

**1.2-Tiền gửi ngân hàng**

- Xí nghiệp 301	1.403.231	47.601.893
- Chi nhánh Khánh Hòa - XN 302	-	24.610.665
- Xí nghiệp 303	1.316.253	39.040.510
- Xí nghiệp 304	1.570.156	42.394.973
- Xí nghiệp 305	1.406.071	65.962.807
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng	1.305.500	78.207.198
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - CN.TPHCM (Văn phòng Công ty)	10.341.797.572	17.612.086.163

**Cộng**

**19.712.083.193**      **24.070.186.512**

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**\* Đầu tư ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng ĐT Và PT Việt Nam - CN.TP. HCM (TG TK 12 tháng)	1.300.000.000	1.300.000.000

**Cộng**

**1.300.000.000**      **1.300.000.000**

**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

**3.1-Phải thu khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Sửa chữa lớn cầu Km 464+052 (CSHT 1)	1.502.000	1.502.000
- Công bản km14+400 cầu Nhà Bè	86.916.691	86.916.691
- Cầu số 2 đường tỉnh 725 Cam Ly	5.158.302	5.158.302
- Cầu cứu hỏa Biên Hòa	2.302.042	2.302.042
- 3 cầu Kiên Giang	69.000.000	69.000.000
- Vườn Hoa Nguyễn An Ninh		47.145.668
- Nhà tạm giữ công an Quận Ô Môn	167.050.093	167.050.093
- Cầu Tầm Xá	144.464.000	261.464.000
- Dự án Nam Sông Hậu (Cầu Mái Dầm + Cầu Ngọn Ngang)	885.877.484	2.997.124.167
- Cống Bà Xếp - Đường THT		255.734.000
- Đường giao thông nông thôn xã Thạch Quới	24.822.070	24.822.070
- Cống qua đường sắt km 1598+700	10.737.600	10.737.600
- Mở rộng kè cảng Đồng Nai GD 1	2.921.400	2.921.400
- Hệ thống thoát nước + cống qua ĐS Biên Hòa	105.563.311	105.563.311
- Cải tạo nâng cấp QL 28 Đoạn Gia Nghĩa	6.633.106	6.633.106
- Km 1651-1653 ( Ray, lập lách GTGC)	477.495.000	477.495.000
- Thay ray Km1711-1721 (Ray GTGC)	142.274.000	142.274.000
- Xí nghiệp vật tư thiết bị và xây dựng 767 (BTNN)	146.527.540	146.527.540
- Công ty công trình GTCC - Đường Quang Trung	106.447.895	106.447.895
- Gói thầu 1 : cầu Rạch tre , Cá ngỗ	160.000.000	
- Đường ngang tại Km 1695+085 (gói thầu số 4)	110.058.000	110.058.000
- Công ty BAUXIT Lâm Đồng - TKV	286.648.460	286.648.460
- Gói thầu WB4 - 15	3.348.421.194	3.348.421.194
- Gói số 6A: Cầu Kênh Thủy-DA QL91B - Tp Cần Thơ	236.673.333	3.519.750.333
- Cầu trên đường ĐT843 - Cầu Đường Gạo + Phú Hiệp	94.698.000	124.596.000
- Gói thầu 1: XD cầu, trụ chống va, đường vào cầu Cái đôi	1.437.381.000	
- Gói thầu số 3/KV2 gồm 7 HM & 1 Cầu Hói Rui	763.565	54.383.810

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

- Gói thầu số 7 : Gồm 6 cầu HN-LS đầu tư vốn TD		10.798.955.000
- Cầu Ô Sông-Trà My - Trà Bồng - Bình Long	367.432.000	2.799.032.000
- Gói thầu WB 4 - 12	576.328.987	576.328.987
- Công ty TNHH Hải Trường	178.735.190	178.735.190
- Cải tạo nâng cao cầu Đình Bộ lĩnh	969.972.000	
- Cầu Thầy Thuốc	2.228.862.948	
- Đường cầu trục cảng cửa Ông	3.990.967.083	
- KB NN Tuy Phong (KSTK đường Ngang)	2.200.200	2.200.200
- Cống thoát nước đường DT 829	112.730.000	112.730.000
- XD nâng cấp đường Lộc Thắng - Lộc Quảng	138.319.280	6.915.964.000
- Cầu Vàm đĩnh - Tám Bang	21.240.000	227.650.000
- KCH chống sụt trượt QL 28	424.277.000	
- Mở rộng đường đê số 1 - Bình Chánh	186.592.767	399.394.000
- Gói thầu B2-9 : Cầu Bình Minh	5.630.919.532	
- Cầu qua sông Maspero - Sóc Trăng		2.074.393.000
- Công trình cầu Kênh 01 + 02	4.129.196	4.129.196
- KCH ĐS từ Bình Định đến Khánh Hòa		2.000.000.000
- Gói số 7 K1, K2 km 1071 + 196 - 1081	8.188.703.000	
- Gói 1 Di dời & XD mới ga Phan Thiết	108.675.000	1.001.885.000
- Gia cố, s/c cầu cống ga MM-PT		4.427.446.500
- Gói 1 : cải tạo , nâng cấp 13 cầu yếu		17.120.963.000
- Gói 4 : 03 cầu yếu tuyến ĐS HN=Tp HCM	113.435.000	31.885.635.099
- Gói 10 : 01 hầm chui & 33.31km hàng rào		3.925.288.000
- SCL cầu ĐS km 1098+974	26.000	586.975.000
- SCL cầu ĐS km 1324+450		1.391.626.000
- Gói số 2 : XD 10 cầu ĐS (Cầu An Tân- Bàu sấu)		5.298.357.281
- Gói số 4 : Cầu Kinh cũ, Tứ Thường, Thường Phước ...	1.000	3.660.006.000
- SC cầu Cái Dung		228.000.000
- Gói 5 : thảm nhựa Cầu Bến long, Xáng ngã năm	3.203.000	207.166.000
- Gói 6B : thảm nhựa đoạn km 47-57 tuyến QLK-PH	400	526.265.000
- Gói 18/KV2 : ctco NC km 1049-1094 K1,K2	17.286.013.000	10.390.142.000
- Gói 5/KV3 : 6 cầu yếu tuyến ĐS : HN-TP. HCM	6.928.454.000	23.284.889.000
- Gói 8/KV3 :11 cầu yếu tuyến ĐS : HN-TP. HCM	4.790.287.000	
- SCL cầu Rach lang km 1720+269	4.252.062.000	
- SCL cầu Nhu Sơn km 1649+400	1.342.600.000	
- SCL cầu Ong Nghi km 1714+361	1.921.905.000	
- Gói 20 : Đường công vụ tỉnh lộ 21	196.002.474	
- Cầu thép vòng xoay Hàng xanh	4.442.602.300	
- Gói 1 : XD bến phà A&E - DA phà Đại Ngãi	2.727.569.000	
- Gói 11 & 18 : tuyến QL - Phụng hiệp	378.644.000	
<b>3.2-Trả trước cho người bán</b>	<b>8.368.360.754</b>	<b>6.275.587.330</b>
- Xí nghiệp 301	811.938.678	1.961.921.346
- Xí nghiệp 303	295.758.603	551.253.601
- Xí nghiệp 304	518.343.600	330.362.250
- Xí nghiệp 305	105.581.500	560.417.943
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng	693.057.336	913.023.650
- Văn phòng Công ty	5.943.681.037	1.958.608.540
<b>3.3-Các khoản phải thu khác</b>	<b>63.382.287.267</b>	<b>24.707.988.425</b>
- Xí nghiệp 301 (TG thuế GTGT đầu vào chưa kê khai)	4.510.468.229	
- Xí nghiệp 305	70.292.545	-
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng	42.427.382	78.339.041
- Văn phòng Công ty	58.759.099.111	24.629.649.384
Công ty CP Công trình 2	226.430.227	2.226.430.227

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

Công ty CP Công trình Đà Nẵng	593.138.044	1.393.138.044
Công ty CP XD Ctrinh Trường Lộc	27.735.892.373	7.972.032.189
Công ty CP công trình Thành Phát	26.666.350.362	8.139.424.617
Đội thi công 301	127.704.169	285.416.216
Công ty QLDS Nghệ Tĩnh		686.085.504
Công ty Cổ phần Công trình 6		3.529.400.300
CN Cty CP TVĐT & XD GTVT - XN TVĐT & XD CT		249.075.000
Công ty CP SX & TM Hoàng Đạt	372.691.935	
Phải thu khác	111.227.301	148.647.287
Tạm ứng cổ tức DD/2012	2.925.664.700	
<b>3.4-Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(211.070.803)</b>	<b>(211.070.803)</b>
- Công bản Km 14+400 cầu Nhà Bè	(86.916.691)	(86.916.691)
- Cầu cứu hỏa Biên Hòa	(2.302.042)	(2.302.042)
- 3 cầu Kiên Giang	(69.000.000)	(69.000.000)
- Đường giao thông nông thôn xã Thạch Quới	(24.822.070)	(24.822.070)
- Công qua đường sắt Km 1598+700	(10.737.600)	(10.737.600)
- Mở rộng kè cảng Đồng Nai - GD 1	(2.921.400)	(2.921.400)
- Phải thu khác	(14.371.000)	(14.371.000)
<b>Cộng</b>	<b>147.112.801.661</b>	<b>173.157.337.087</b>

**4. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá gốc hàng tồn kho	<b>76.301.005.287</b>	<b>51.939.510.027</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	22.809.086.058	8.918.566.836
- Công cụ, dụng cụ	2.605.636	9.955.636
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	53.489.313.593	42.863.200.331
- Hàng hóa		147.787.224
<b>Cộng</b>	<b>76.301.005.287</b>	<b>51.939.510.027</b>

**5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>5.1-Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>5.860.929.646</b>	
<b>5.2- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>15.516.430</b>	
<b>5.3-Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>14.556.522.863</b>	<b>11.503.314.418</b>
* <i>Tạm ứng</i>	<i>14.475.897.863</i>	<i>10.820.689.418</i>
- Xí nghiệp 301	2.723.394.558	2.354.207.483
- Xí nghiệp 303	1.701.688.965	513.512.296
- Xí nghiệp 304	2.532.021.055	1.401.158.809
- Xí nghiệp 305	1.669.170.983	942.886.377
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng	4.525.047.591	3.407.323.478
- Văn phòng Công ty	1.324.574.711	2.201.600.975
* <i>Ký quỹ mượn ray tại Công ty Quản lý Đường sắt Sài Gòn</i>	<i>80.625.000</i>	<i>682.625.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>20.432.968.939</b>	<b>11.503.314.418</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

**6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>1 Số dư đầu năm</b>	<b>6.349.059.489</b>	<b>35.181.632.548</b>	<b>5.873.215.903</b>	<b>508.127.490</b>	<b>47.912.035.430</b>
<b>2 Số tăng trong năm</b>	<b>6.713.644.257</b>	<b>12.596.903.118</b>		<b>182.423.000</b>	<b>19.492.970.375</b>
Bao gồm:					
- Mua trong năm		12.596.903.118		182.423.000	12.779.326.118
- Đầu tư XD CB hoàn thành	6.713.644.257				6.713.644.257
- Tăng khác					
<b>3 Số giảm trong năm</b>	<b>4.547.295.998</b>				<b>4.547.295.998</b>
Bao gồm:					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán	4.547.295.998				4.547.295.998
- Giảm khác					
<b>4 Số dư cuối năm</b>	<b>8.515.407.748</b>	<b>47.778.535.666</b>	<b>5.873.215.903</b>	<b>690.550.490</b>	<b>62.857.709.807</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>1 Số dư đầu năm</b>	<b>2.150.501.033</b>	<b>14.778.981.862</b>	<b>2.925.041.966</b>	<b>398.770.463</b>	<b>20.253.295.324</b>
<b>2 Số tăng trong năm</b>	<b>479.946.588</b>	<b>5.829.921.861</b>	<b>735.739.752</b>	<b>92.609.172</b>	<b>7.138.217.373</b>
- Khấu hao trong năm	479.946.588	5.829.921.861	735.739.752	92.609.172	7.138.217.373
- Tăng khác					
<b>3 Số giảm trong năm</b>	<b>1.903.632.396</b>				<b>1.903.632.396</b>
Bao gồm:					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán	1.903.632.396				1.903.632.396
- Giảm khác					
<b>4 Số dư cuối năm</b>	<b>726.815.225</b>	<b>20.608.903.723</b>	<b>3.660.781.718</b>	<b>491.379.635</b>	<b>25.487.880.301</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1 Tại ngày đầu năm	4.198.558.456	20.402.650.686	2.948.173.937	109.357.027	27.658.740.106
2 Tại ngày cuối năm	7.788.592.523	27.169.631.943	2.212.434.185	199.170.855	37.369.829.506

**7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

- Chi phí XD CB dở dang

**Cộng**

Số cuối năm

Số đầu năm

44.676.572

**44.676.572**

**8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (CP)	Giá trị	Số lượng (CP)	Giá trị
Công ty CP Xây dựng Công trình Trường Lộc	531.000	4.500.000.000	531.000	4.500.000.000
Công ty CP Công trình Thành Phát (@)	647.130	5.830.000.000	583.000	5.830.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí & Xây dựng (b)		12.800.000.000		12.119.129.750
<b>Cộng</b>	<b>1.178.130</b>	<b>23.130.000.000</b>	<b>1.114.000</b>	<b>22.449.129.750</b>

Lý do: Tăng

(@) Số lượng cổ phiếu tăng do: Cổ tức bằng cổ phiếu

(b) Giá trị vốn tăng do: Góp vốn thêm trong năm

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

**9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC****9.1-Chi phí trả trước dài hạn**

- Xí nghiệp 301
- XN 302-Chi nhánh Khánh Hòa
- Xí nghiệp 303
- Xí nghiệp 304
- Xí nghiệp 305
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng
- Văn phòng Công ty

**9.2-Tài sản dài hạn khác**

- Ký quỹ, ký cược dài hạn

**Cộng****Số cuối năm****Số đầu năm****5.394.621.022****4.983.016.738**

507.130.760

714.436.786

489.827.369

704.111.142

1.044.260.486

1.750.788.298

1.634.913.753

177.334.136

177.334.136

1.294.543.305

893.088.844

960.713.381

29.155.364

**6.200.000****6.200.000**

6.200.000

6.200.000

**5.400.821.022****4.989.216.738****10. NỢ NGẮN HẠN****10.1-Vay và nợ ngắn hạn****\* Vay ngắn hạn ngân hàng**

- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - CN TP. Hồ Chí Minh

**\* Vay cá nhân****10.2-Phải trả người bán**

- Xí nghiệp 301
- XN 305
- Xí nghiệp 303
- Xí nghiệp 304
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng
- Văn phòng Công ty

**10.3-Người mua trả tiền trước**

- Gói thầu B2-5 : Cầu Dã Pri
- Gói số 2 : XD 10 cầu ĐS (Cầu An Tân - Bầu sấu)
- Gói số 2 : XD đoạn km 16-18 (QL 28)
- GT B2-26 : Cầu Rọ Tượng - Quán cau
- Gói thầu B2-9: Cầu Bình Minh-Đất sét
- Cải tạo nâng cấp cầu Đinh bộ Lĩnh
- Cầu Chợ Lách - Bến Tre
- Gói 2/KV2 cầu 985+100&1025+270
- Cầu Rạch tre, Cã ngỗ ... DT 854
- Cầu Thầy Thuốc - Bình Chánh
- GXD 03 hầm chui km 1007-1721
- Cầu Hồng Ngự
- Gói CP 1D : 07 cầu thuộc DA 44 cầu ĐS
- Gói 11A - XD cầu km 18+366,64 & cầu 21+980 (QL 28)
- Gói 11: Biểu Nghi - hạ Long
- Gói XL01- XD cầu cái đôi - xã An Hiệp
- Gói số 8 : cải tạo NC 11 cầu yếu ĐS HN-TP. HCM
- XD mới cầu đường bộ Đồng nai (KC)

**10.4-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

- Thuế GTGT đầu ra
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân

**Số cuối năm****Số đầu năm****78.014.899.379****79.649.386.044****77.336.516.379****77.310.189.044**

77.336.516.379

77.310.189.044

**678.383.000****2.339.197.000****23.326.610.435****29.262.862.672**

1.154.617.755

1.426.557.256

231.609.220

653.219.580

549.976.930

2.955.500

1.000.000

3.421.755.764

2.881.257.184

17.862.452.616

24.404.071.302

**81.736.406.181****53.329.445.612**

1.881.349.398

8.388.340.777

2.615.643.361

1.002.252.000

650.542.000

4.792.465.000

5.628.366.000

5.340.326.780

439.490

492.159.000

3.767.000.000

7.413.000.000

319.108.000

25.769.613.932

287.839.555

2.735.668.000

3.423.600.000

7.413.000.000

7.413.000.000

7.413.000.000

2.735.668.000

1.000.000.000

3.423.600.000

2.735.668.000

6.600.000.000

3.423.600.000

22.707.009.000

6.600.000.000

4.899.900.028

697.861.500

4.899.900.028

15.981.000.000

2.689.316.001

4.899.900.028

2.139.032.529

28.265.387

28.265.387

*Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.*

**10.5-Phải trả người lao động**

- Tiền lương còn phải trả người lao động

**10.6-Chi phí phải trả****5.007.973.311****5.142.809.985**

5.007.973.311

5.142.809.985

**3.213.100.527****1.778.790.415**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

<b>10.7-Phải trả nội bộ</b>	<b>5.082.142.357</b>	<b>3.767.125.575</b>
- Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	5.082.142.357	3.767.125.575
<b>10.8-Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>24.868.763.255</b>	<b>34.889.196.680</b>
- Kinh phí Công đoàn	211.685.438	110.447.544
- Bảo hiểm xã hội	203.805.879	135.772.573
- Bảo hiểm y tế	18.164.552	7.981.342
- Bảo hiểm thất nghiệp	16.748.373	12.579.295
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.418.359.013	34.622.415.926
+ <i>Xí nghiệp 302</i>		221.189.790
+ <i>Xí nghiệp 303</i>	176.731.463	176.731.463
+ <i>Văn phòng Công ty</i>	24.241.627.550	34.224.494.673
<b>10.9-Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>962.780.519</b>	<b>751.570.119</b>
<b>Cộng</b>	<b>227.112.575.992</b>	<b>213.427.801.019</b>
<b>11. NỢ DÀI HẠN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>11.1-Phải trả dài hạn khác</b>	<b>81.603.898</b>	<b>81.603.898</b>
- Tiền nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng	81.603.898	81.603.898
<b>11.2-Vay và nợ dài hạn</b>	<b>7.018.152.900</b>	<b>9.690.507.500</b>
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - CN TP. Hồ Chí Minh	7.018.152.900	9.690.507.500
<b>Cộng</b>	<b>7.099.756.798</b>	<b>9.772.111.398</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

**Ghi chú (\*): Các khoản giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối bao gồm:**

- Trích cổ tức phải trả năm 2011	9.453.538.500
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2011	1.279.000.000
- Trích quỹ dự phòng tài chính năm 2011	578.000.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2011	925.000.000
- Truy thu thuế 2007+2008	120.664.333
<b>Cộng</b>	<b>12.356.202.833</b>

(\*) Nghị Quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2012 ngày 26 tháng 04 năm 2012 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3

<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vốn góp của Nhà nước	43,35%	24.108.350.000	24.108.350.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	56,65%	31.501.630.000	31.501.630.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>55.609.980.000</b>	<b>55.609.980.000</b>

<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
<b>+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	55.609.980.000	43.005.560.000
- Vốn góp tăng trong năm		12.604.420.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	55.609.980.000	55.609.980.000
<b>+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>9.453.538.500</b>	<b>10.759.985.000</b>

**d) Cổ tức**  
**+ Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán**  
 - Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông  
 - Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi  
**+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận**

<b>e) Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>+ Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>5.561.000</b>	<b>5.561.000</b>
<b>+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>5.560.998</b>	<b>5.560.998</b>
- Cổ phiếu phổ thông	5.560.998	5.560.998
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>+ Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>93</b>	<b>93</b>
- Cổ phiếu phổ thông	93	93
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>5.560.905</b>	<b>5.560.998</b>
- Cổ phiếu phổ thông	5.560.905	5.560.998
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>10.000 đồng/CP</b>	<b>10.000 đồng/CP</b>

<b>f) Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	18.535.987.914	17.256.987.914
- Quỹ dự phòng tài chính	5.098.575.738	4.520.575.738

**13. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu bán hàng	55.119.614.713	62.068.358.154
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	305.985.503.513	240.818.397.523
- Doanh thu hợp đồng XD được ghi nhận trong kỳ		
- Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng XD được ghi nhận đến thời điểm lập BCTC		
<b>Cộng</b>	<b>361.105.118.226</b>	<b>302.886.755.677</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

	Năm nay	Năm trước
<b>14. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>		
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất khẩu		
<b>Cộng</b>		
<b>15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
- Doanh thu thuần về bán hàng	55.119.614.713	62.068.358.154
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	305.985.503.513	240.818.397.523
<b>Cộng</b>	<b>361.105.118.226</b>	<b>302.886.755.677</b>
<b>16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	52.171.273.161	54.079.902.292
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	278.171.306.891	218.183.568.308
- Giá vốn của thành phẩm đã bán		
<b>Cộng</b>	<b>330.342.580.052</b>	<b>272.263.470.600</b>
<b>17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.240.871.937	3.206.446.226
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác (Cổ tức công ty con)	132.750.000	1.219.650.000
<b>Cộng</b>	<b>2.373.621.937</b>	<b>4.426.096.226</b>
<b>18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
- Lãi tiền vay	11.064.816.131	13.714.337.058
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
<b>Cộng</b>	<b>11.064.816.131</b>	<b>13.714.337.058</b>
<b>19. THU NHẬP KHÁC</b>		
- Thu nhập từ tiền thí nghiệm và cho thuê mặt bằng	191.247.295	539.467.499
- Thu nhập từ chênh lệch đánh giá lại tài sản khi góp vốn		
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.357.022.000	325.539.091
- Thu nhập khác (Tiền hỗ trợ di dời xưởng Cơ khí)	12.600.000.000	39.665.721
<b>Cộng</b>	<b>14.148.269.295</b>	<b>904.672.311</b>
<b>20. CHI PHÍ KHÁC</b>		
- Chi phí hoạt động thí nghiệm, cho thuê mặt bằng	19.996.375	88.534.484
- Giá trị còn lại của tài sản nhượng bán, thanh lý	2.643.663.602	40.896.453
- Chi phí các công trình đã quyết toán	1.420.309.441	(205.893.793)
- Chi phí khác	4.258.629.692	
<b>Cộng</b>	<b>8.342.599.110</b>	<b>(76.462.856)</b>
<b>21. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH</b>		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	3.527.336.160	2.213.061.053
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
<b>Cộng</b>	<b>3.527.336.160</b>	<b>2.213.061.053</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí máy

*Trong đó: Chi phí khấu hao tài sản cố định*

- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
208.605.661.018	189.665.049.438
72.625.952.253	45.909.580.443
36.848.367.531	28.641.284.410
7.138.217.373	6.786.310.167
590.541.336	512.170.682
22.798.201.917	14.796.471.180
<b>341.468.724.055</b>	<b>279.524.556.153</b>

**23. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ****a. Tổng lợi nhuận trước thuế**

- + Các khoản điều chỉnh tăng
- + Các khoản điều chỉnh giảm

**b. Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra**

- . b.1 Doanh thu được miễn giảm (Xây lắp - Nhà 621) (chiếm 79% / Tổng doanh thu)
- . b.2 Doanh thu không được miễn giảm (chiếm 21 % / Tổng doanh thu)

**c. Tổng thu nhập chịu thuế**

- . c.1 Thu nhập chịu thuế được miễn giảm (chiếm 79% / Tổng thu nhập chịu thuế)
- . c.2 Doanh thu không được miễn giảm (chiếm 21 % / Tổng thu nhập chịu thuế)

**d. Thuế TNDN phải nộp (25%)**

- + Thuế TNDN được miễn giảm (30%) theo TT 140 ngày 21/08/2012
- + Thuế TNDN phải nộp sau khi được miễn giảm

**e. Lợi nhuận sau thuế TNDN**

Năm nay	Năm trước
<b>16.750.870.162</b>	<b>15.055.093.859</b>
1.894.391.236	132.396.184
132.750.000	1.219.650.000
<b>377.627.009.458</b>	
299.392.963.437	
78.234.046.021	
<b>18.512.511.398</b>	<b>13.967.840.043</b>
14.677.222.522	
3.835.288.876	
<b>4.628.127.850</b>	<b>3.491.960.011</b>
1.100.791.689	1.278.898.958
3.527.336.160	1.278.898.958
<b>13.223.534.002</b>	<b>12.842.032.806</b>

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Năm nay	Năm trước
13.223.534.002	12.842.032.806
13.223.534.002	12.842.032.806
5.560.905	4.608.661
<b>2.378</b>	<b>2.787</b>

**25. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**

- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
369.300.000	358.800.000
<b>369.300.000</b>	<b>358.800.000</b>

**26. THÔNG TIN BỔ SUNG****Giao dịch với các bên liên quan***Trong năm 2012, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:*

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP XD Ctrình Trường Lộc	Công ty con	Bán hàng hóa, vật tư	29.073.705.171
		Giá trị công trình công ty con đã thực hiện	82.410.088.041
		Cho thuê TSCĐ	1.812.440.000
Công ty CP Công trình Thành Phát	Công ty con	Cho thuê mặt bằng	9.163.636
		Cho thuê TSCĐ	3.681.320.364
		Bán hàng hóa, vật tư	19.025.143.138
		Dịch vụ thí nghiệm	1.763.339
		Giá trị công trình công ty con đã thực hiện	47.191.729.162
		CT 3 thuê TSCĐ của cty con (Thành Phát)	337.022.726
Công ty TNHH MTV cơ khí và xây dựng	Công ty con	Góp vốn	680.870.250

*Tại ngày kết thúc năm tài chính 2012, công nợ phải thu, phải trả với các bên có liên quan như sau:*

Công ty CP Xây dựng Công trình Trường Lộc	Số tiền
Phải thu khác (tiền cho thuê mặt bằng, thuê tài sản & thí nghiệm)	693.813.800
Phải thu khác (tiền bán hàng hóa, vật tư, tài sản)	30.640.505.416
Phải thu khác (khối lượng công trình)	(3.639.405.290)
Phải thu khác (nợ lãi vay)	40.978.447
<b>Cộng</b>	<b>27.735.892.373</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

**Công ty CP Công trình Thành Phát**

Phải thu khác (tiền cho thuê mặt bằng, thuê tài sản &amp; thí nghiệm)

Phải thu khác (tiền bán hàng hóa, vật tư, tài sản, vay)

Phải thu khác (khối lượng công trình)

Phải thu khác

**Cộng****Số tiền**

3.336.941.073

21.661.900.118

699.123.571

968.385.600

**26.666.350.362****Công ty TNHH MTV cơ khí và xây dựng**

Phải trả khác (tạm ứng theo HĐ)

**Cộng****Số tiền**

800.000.000

**800.000.000****27. BÁO CÁO BỘ PHẬN:***- Về lĩnh vực kinh doanh:*

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng

*- Về khu vực địa lý:*

Hoạt động sản xuất của Công ty nằm trong phạm vi cả nước

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận.

Nhằm phục vụ cho mục đích quản lý, công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc nên việc báo cáo bộ phận được phân chia theo ngành hàng kinh doanh như sau:

Xây dựng và sản xuất và dịch vụ khác

Chỉ tiêu	Xây dựng	Sản xuất, dịch vụ khác	Tổng
<b>A- Kết quả</b>			
<b>1- Doanh thu</b>	<b>305.985.503.513</b>	<b>55.119.614.713</b>	<b>361.105.118.226</b>
<b>2- Chi phí</b>	<b>278.171.306.891</b>	<b>52.171.273.161</b>	<b>330.342.580.052</b>
- Chi phí phân bổ trực tiếp (gồm cả giá vốn)	278.171.306.891	52.171.273.161	330.342.580.052
- Chi phí bán hàng			
<b>3- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>27.814.196.622</b>	<b>2.948.341.552</b>	<b>30.762.538.174</b>
<b>B- Tổng giá trị của tài sản bộ phận</b>	<b>330.804.186.180</b>		<b>330.804.186.180</b>
<b>C- Nợ phải trả của bộ phận</b>	<b>228.715.716.290</b>	<b>5.496.616.500</b>	<b>234.212.332.790</b>
<b>D- Tổng chi phí phát sinh trong niên độ để mua TSCĐ</b>	<b>19.492.970.375</b>		<b>19.492.970.375</b>
<b>E- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước</b>	<b>4.075.435.293</b>	<b>3.062.782.080</b>	<b>7.138.217.373</b>
- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ	4.075.435.293	3.062.782.080	7.138.217.373
- Tổng chi phí phân bổ chi phí trả trước			

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****\* Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của Nhà nước và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các Công ty.

**\* Các chính sách kế toán chủ yếu**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và Thuyết minh các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

**\* Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.712.083.193	24.070.186.512	19.712.083.193	24.070.186.512
Phải thu khách hàng và phải thu khác	138.759.957.337	166.881.749.757	138.548.886.534	166.670.678.954
Đầu tư ngắn hạn	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000
Đầu tư dài hạn	23.130.000.000	22.449.129.750	23.130.000.000	22.449.129.750
Tài sản tài chính khác			-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>182.902.040.530</b>	<b>214.701.066.019</b>	<b>182.690.969.727</b>	<b>214.489.995.216</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay và nợ	85.033.052.279	89.339.893.544	85.033.052.279	89.339.893.544
Phải trả người bán và phải trả khác	48.195.373.690	64.152.059.352	48.195.373.690	64.152.059.352
Phải trả người lao động	5.007.973.311	5.142.809.985	5.007.973.311	5.142.809.985
Chi phí phải trả	3.213.100.527	1.778.790.415	3.213.100.527	1.778.790.415
<b>Tổng cộng</b>	<b>141.449.499.807</b>	<b>160.413.553.296</b>	<b>141.449.499.807</b>	<b>160.413.553.296</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc 31/12/2012 do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 31/12/2012.

**\* Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

**Phải thu khách hàng:**

Các khoản phải thu khách hàng đều được khách hàng trả trước nên đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng:**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**\* Quản lý rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty hiện tại không có do Công ty có nguồn tiền có thể đáp ứng được cho các khoản thanh toán.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
<b>Tại 31/12/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.712.083.193		19.712.083.193
Phải thu khách hàng và phải thu khác	138.759.957.337		138.759.957.337
Đầu tư ngắn hạn		1.300.000.000	1.300.000.000
Đầu tư dài hạn		23.130.000.000	23.130.000.000
Tài sản tài chính khác			-
<b>Tổng cộng</b>	<b>158.472.040.530</b>	<b>24.430.000.000</b>	<b>182.902.040.530</b>
<b>Tại 01/01/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.070.186.512		24.070.186.512
Phải thu khách hàng và phải thu khác	166.881.749.757		166.881.749.757

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

Đầu tư ngắn hạn		-
Đầu tư dài hạn	22.449.129.750	22.449.129.750
Tài sản tài chính khác		-
<b>Tổng cộng</b>	<b>190.951.936.269</b>	<b>213.401.066.019</b>

**\* Quản lý rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và các rủi ro về giá khác. Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần.

**Rủi ro ngoại tệ:**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái.

Phần lớn phát sinh ngoại tệ chủ yếu là do các khoản công nợ phải thu và các khoản công nợ này của Công ty được đã được khách hàng thanh toán trước. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tỉ giá là thấp

**Rủi ro lãi suất:**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu là liên quan đến các khoản vay. Công ty phát sinh khoản vay nên rủi ro lãi suất là không cao.

**Rủi ro về giá khác:**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỉ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính công ty.

**29-SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2012 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Lập ngày 25 tháng 02 năm 2013

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Tổng giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đoàn Văn Nghị****Nguyễn Kim Chinh****Phạm Văn Thúy**